TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2023/QĐST-VHNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 01 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào

các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 278/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1982

Bà Lê Thị L, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường Z, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S quen biết nhau từ năm 2008 đến năm 2012 ông bà chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Nghệ An ngày 10/03/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể cùng nhau quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông S, bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông S, bà L xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Lê T, sinh ngày 12/10/2012 và cháu Nguyễn Đình M, sinh ngày 28/01/2014. Khi ly hôn, ông bà thoả thuận giao cháu Nguyễn Lê T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Nguyễn Đình M cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông S, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy thoả thuận của ông S, bà L là phù hợp với quy định của pháp luật nên Toà án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không

có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê T, sinh ngày 12/10/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nguyễn Đình M, sinh ngày 28/01/2014 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông S, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Đình S phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007338 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã K, Huyện L, tỉnh Nghệ An (GCNKH số 14 ngày 10/3/2012);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung